

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở NƯỚC TA **TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

PHẠM THẾ TRI (*)

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, dù là các quốc gia công nghiệp phát triển hay đang phát triển đều coi trọng sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì nó có vị trí, vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Chính phủ các nước rất quan tâm nên việc này mình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng các chính sách trợ giúp, khuyến khích và ưu ái.

Nói với nước ta ngay 23 tháng 11 năm 2001 Chính phủ đã ban hành nghị định 90 “về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa”. Do nội dung phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là một nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO và thực hiện AFTA. Vì vậy, cần phải nhìn nhận này như vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thì rõ ràng nên xây dựng những biện pháp các giải pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh cho loại hình doanh nghiệp này trong giai đoạn hiện nay.

1. Những vấn đề cơ bản của doanh nghiệp nhỏ và vừa

• *Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhỏ và vừa của một số nước:*

(*) TS. Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

+ Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quốc gia không thống nhất với nhau. Có nước căn cứ vào một tiêu chí là số lao động trong một doanh nghiệp để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa như Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ... Có nước căn cứ vào hai tiêu chí là xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa như Canada dựa vào số lao động và doanh thu, Indonesia, Nhật Bản, Myanmar, Mexico, Philippin lại lấy số lao động và vốn làm tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Có quốc gia dùng tiêu chí chung cho tất cả các ngành như Mexico, Philippin, Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ... Những nước khác, vùng lãnh thổ lại dùng tiêu chí riêng để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa trong từng ngành như Nhật Bản, Hồng Kông,...

+ Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa của các nước khác nhau có khác nhau, tùy thuộc vào nhiều kiến thức của từng nước, cũng như quan niệm và chính sách của từng nước.

+ Do phụ thuộc vào ý đồ chính sách, khả năng hỗ trợ và vai trò của chính phủ ở từng thời kỳ nên các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số nước cũng không phải cố định.

+ Các tiêu chí này cũng thay đổi theo thời gian

tuy thuộc vào chính sách của chính phủ muốn hỗ trợ ngành nào hoặc doanh nghiệp qui mô nào để tổng thời kỳ phát triển của nước nội

+ Ngay trong cùng một nước, cũng có những hợp các tiêu chí khác nhau trong doanh nghiệp như nhiều kiến thức nhân sự của một tổ chức nào nội không phải bao giờ cũng trùng khớp với tiêu chí chung của nhà nước.

(Xem Bảng 1: Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số nước)

Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các nước, nhất là những nước trong khu vực hoặc có nhiều kiến kinh tế tổng tới Việt Nam là cần có tham khảo tới nội với nước ta.

• Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam:

Nói với Việt Nam xác định tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa là một quá trình biến đổi phù hợp với nhiều kiến chính trị, kinh tế - xã hội ở mỗi giai đoạn khác nhau.

+ Ngân hàng Công thương Việt Nam coi doanh nghiệp nhỏ và vừa là các doanh nghiệp có dưới

500 lao động, vốn có hình dưới 10 tỷ đồng, vốn lưu động dưới 8 tỷ đồng và doanh thu hàng tháng dưới 20 tỷ đồng.

+ Liên Bộ Lao động - Tài chính coi doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có lao động thường xuyên dưới 100 người, doanh thu hàng năm dưới 10 tỷ đồng, vốn pháp định dưới 1 tỷ đồng.

+ Dự án VIE/US/95/004 "Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam" do UNIDO tài trợ coi doanh nghiệp nhỏ là doanh nghiệp có lao động trên 30 đến 200 người, vốn pháp định dưới 0,4 triệu USD.

+ Quy hoạch doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc chương trình Việt Nam EU: doanh nghiệp nhỏ và vừa nước này hỗ trợ gồm có các doanh nghiệp có số công nhân từ 50 đến 500 người và vốn pháp định từ 50 ngàn đến 300 ngàn USD.

+ Quy hoạch phát triển ngân hàng Nhà nước: coi doanh nghiệp nhà nước nhỏ và vừa là các doanh nghiệp có giá trị tài sản không quá 2 triệu USD, lao động không quá 500 người.

Bảng 1: Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa ở một số nước

Nước	Các tiêu chí		Doanh thu
	Số lao động (người)	Tổng vốn	
Ôxtraylia	< 500 trong công nghiệp (CN) và dịch vụ (DV)		
Canada	< 500 cho cả CN & DV		< 20 triệu đô la Canada
Hong Kong	< 100 trong CN < 50 trong DV		< 2 tỷ rupi
Indonesia	< 100 trong bán buôn	< 0.6 tỷ rupi	
Nhật bản	< 50 trong bán lẻ < 300 trong các ngành khác	< 30 triệu yên < 10 triệu yên < 100 triệu yên	
Mexico	< 250	< 7 triệu USD < 100 triệu pêsô	
Phillipin	< 200	< 100 triệu pêsô	
Singapore	< 100	< 499 triệu S\$	
Myanmar	< 100		
Thái Lan	< 100	< 20 triệu bath	
Mỹ	< 500		

Nguồn: Bộ kế hoạch và Đầu tư

+ Nhà nước Việt Nam qui định tiêu chí doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

* Ngày 20/6/1998 chính phủ qui định tiêu chí tạm thời xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa có vốn điều lệ dưới 5 tỷ đồng, lao động trung bình hàng năm: dưới 200 người.

* Ngày 23/11/2001 chính phủ ban hành nghị định 90 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau:

Định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa: " Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở sản xuất, kinh doanh độc lập, năng lực kỹ kinh doanh theo pháp luật hiện hành, có vốn năng lực kỹ không quá 10 tỷ đồng hoặc số lao động trung bình hàng năm không quá 300 người".

Nghị định 90 còn đưa ra các tiêu chí và tình hình kinh tế - xã hội của nhà phòng trong quá trình thực hiện có thể sử dụng các hai tiêu chí hoặc một trong hai tiêu chí nói trên.

Nhờ vậy, Việt Nam đã thống nhất quản lý nhà nước về các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa, đây là các tiêu chí xây dựng các chương trình trợ giúp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa của nước ta.

Vị trí và vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thị trường:

Nền kinh tế thị trường hoạt động theo cơ chế kinh tế mở với các nền kinh tế đang hội nhập các thành phần kinh tế các loại hình kinh doanh, thực hiện dần chuyển đổi trong hoạt động, tạo một sản phẩm bình đẳng cho các thành phần kinh tế các loại hình kinh doanh, trong đó có các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa. Loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa đã và đang có vị trí và vai trò quan trọng trong cơ chế thị trường của nước ta hiện nay.

Qui mô sản xuất, kinh doanh nhỏ và vừa nên có tính năng động, linh hoạt, tối đa sáng tạo trong kinh doanh. Để đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thị trường, công nghệ hiện đại. Với năng lực ban đầu ít, thu hồi vốn nhanh, hiệu quả kinh tế cao, sử dụng nguồn nhân lực lao động xã hội. Hệ thống tài chính, quản lý sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa gọn nhẹ, linh hoạt, cơ chế

nhieu hành trình tuyển, quan hệ giữa người lao động và nhà quản lý khai thác chế độ kinh tế thua lỗ phải sản của doanh nghiệp nhỏ và vừa có ảnh hưởng rất ít, hoặc không gây khủng hoảng kinh tế - xã hội, năng lực ít chịu ảnh hưởng bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế đầy chuyến. Ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 90% tổng số các doanh nghiệp, chiếm khoảng 50% GDP. Ở nước ta hiện nay có các số liệu thống kê này nếu một cách chính xác doanh nghiệp nhỏ và vừa, không hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng loại hình doanh nghiệp này chiếm khoảng 80 - 90% tổng số doanh nghiệp và chiếm 24% GDP. Loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa đã giải quyết một số công việc làm cho xã hội, làm tăng thu nhập cho người lao động, thu hút nguồn nhân lực vào phần sản phẩm trong dân số, thực hiện nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế làm tăng tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa là nơi ươm mầm các tài năng kinh doanh, là nơi đào tạo, rèn luyện các nhà quản lý doanh nghiệp, tạo cho họ làm quen với môi trường kinh doanh. Qui luật của sự phát triển doanh nghiệp thì từ qui mô nhỏ đến qui mô lớn và ngược lại. Thông qua việc hành qui mô nhỏ và vừa một số nhà doanh nghiệp tích lũy nguồn kinh nghiệm dần dần thích ứng với việc kinh doanh có qui mô lớn không mất hẳn chế độ của doanh nghiệp nhỏ và vừa là quản lý chủ yếu bằng kinh nghiệm, chờ theo kịp với số nhà đang hội của cơ chế thị trường. Cuộc hội thảo "Dịch vụ ngân hàng với doanh nghiệp và vai trò" tổ chức tại Hà Nội cho thấy việc thiếu vốn năng lực có thể sẽ là các bệnh muốn thu hồi vốn với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội cho rằng khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay là tình trạng thiếu vốn để sản xuất, trước hết là do nguồn vốn chủ sở hữu thấp. Doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu như không nộp ứng nguồn vốn kiến thiết cơ bản trên thị trường

chống khoản. Vì vậy, hai phái huy động vốn chủ yếu từ nhiều nguồn nhỏ: ngân hàng và các bank thân chủ doanh nghiệp, gia đình, bank bè. Nguồn vốn của doanh nghiệp và vay ngoài lâu nay chủ yếu dựa vào nguồn vay phi chính thức. Số doanh nghiệp nhờ vay từ nguồn vốn chính thức (ngân hàng) rất hạn chế bởi một phần do bank thân doanh nghiệp và một phần do các nhà chế tạo phía ngân hàng. Vì vậy, việc nắm bắt nguồn vốn cho các doanh nghiệp nội và ngoài yêu cầu bức xúc trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

2. Thời trạng doanh nghiệp nội và ngoài ở nước ta hiện nay:

Một cuộc khảo sát quy mô ở nước ta Cục Phát triển doanh nghiệp nội và ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tiến hành với sự tham gia của hơn 63 ngàn doanh nghiệp tại 30 tỉnh thành phía Bắc, nhằm nắm bắt tình hình các doanh nghiệp nội và ngoài, các nhu cầu của doanh nghiệp cần trợ giúp. Thông qua nội các cơ quan quản lý có thể xây dựng các chương trình trợ giúp, nên xuất bổ sung cơ chế chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp nội và ngoài.

Cuộc điều tra cho thấy, quy mô vốn của các doanh nghiệp còn nhỏ, gần 50% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 1 tỷ đồng; gần 75% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 2 tỷ đồng và 90% số doanh nghiệp có mức vốn dưới 5 tỷ đồng.

Do quy mô sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam là rất nhỏ nên khả năng cạnh tranh sẽ rất kém. Việc mở môi trường, công nghệ của các doanh nghiệp là cấp thiết không còn rất khó khăn. Bất cập về trình độ quản lý và công nghệ. Theo số liệu thống kê có tới 55,63% số chủ doanh nghiệp có trình độ hoặc văn ở trung cấp trở xuống, trong đó 43,3% chủ doanh nghiệp có trình độ hoặc văn ở sơ cấp và phổ thông các cấp. Chỉ có 0,66% số chủ doanh nghiệp có trình độ đại học; 2,33% số chủ doanh nghiệp có trình độ thạc sĩ; 37,82% số chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng; 3,56% số chủ doanh nghiệp có trình độ trung học chuyên nghiệp; 12,33% và 43,3% có trình độ thấp hơn.

Nhiều nhà chủ yếu là nhà số các chủ doanh nghiệp ngay những người có trình độ hoặc văn ở cao đẳng và đại học trở lên thì cũng ít người có trình độ kiến thức kinh tế và quản trị doanh nghiệp. Nhiều nhà có ảnh hưởng lớn nên việc lập chiến lược phát triển, nhìn hướng kinh doanh và quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam. Về trình độ sử dụng công nghệ chế tạo khoảng 8% số doanh nghiệp có trình độ công nghệ tiên tiến mà phần lớn là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Doanh nghiệp trong nước nâng sử dụng công nghệ cũ là hầu và khả năng cạnh tranh về công nghệ của các doanh nghiệp phía Bắc là rất thấp.

Bên cạnh nội chế tạo và sử dụng công nghệ thông tin cũng cho thấy, tuy số doanh nghiệp có sử dụng máy vi tính lên đến hơn 60% nhưng chế tạo 11,55% doanh nghiệp có sử dụng mạng nội bộ - LAN, số doanh nghiệp có Website là rất thấp chỉ 2,16%.

Này là một kết quả rất đáng lo ngại vì khả năng tham gia thông mại nên từ và khai thác thông tin qua mạng của các doanh nghiệp phía Bắc còn rất thấp. Cuộc điều tra cũng cho ra một nghịch lý là trong khi trình độ về kỹ thuật công nghệ còn thấp nhưng nhu cầu nhà tạo và kỹ thuật và công nghệ của doanh nghiệp lại không cao. Số doanh nghiệp nhờ điều tra có nhu cầu về nhà tạo công nghệ chế tạo 5,65% trong tổng số các doanh nghiệp nhờ khảo sát. Nhiều nhà cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp phía Bắc nói riêng, chưa coi trọng việc mở nên các văn về kỹ thuật và công nghệ. Mặt dù nhà là yêu cầu quyết định sự thành bại của doanh nghiệp trên thông trường.

Số liệu tổng hợp cũng cho thấy một số khác biệt cơ bản giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp của các nước khác. Trong khi các doanh nghiệp trên thế giới quan tâm hàng đầu về các thông tin công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, thì trường cung cấp và tiêu thụ thì doanh nghiệp Việt Nam lại chủ yếu quan tâm nên các

thông tin về cơ chế chính sách liên quan đến doanh nghiệp, rất ít doanh nghiệp quan tâm đến các thông tin về kỹ thuật và công nghệ. Nhu cầu lớn về vốn, thủ tục vay vốn và doanh nghiệp;

Qua cuộc điều tra, các doanh nghiệp tiếp xúc đều gặp rất nhiều khó khăn và nỗi lo ngại về nhiều mặt. Cụ thể 66,95% doanh nghiệp cho biết thông gặp khó khăn về tài chính; 50,62% doanh nghiệp thông gặp khó khăn về môi trường; 41,74% doanh nghiệp gặp khó khăn về mặt nhân lực và mặt bằng sản xuất; 25,22% doanh nghiệp gặp khó khăn về giảm chi phí sản xuất; 24,23% khó khăn về thiếu các đầu tư và thuê; 19,47% khó khăn về thiếu thông tin; 17,56% doanh nghiệp khó khăn về nguồn nhân lực...

Về khả năng tiếp cận các nguồn vốn của Nhà nước: chỉ có 32,38% số doanh nghiệp cho biết rất tiếp cận được các nguồn vốn của Nhà nước, chủ yếu là doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hoá; 35,24% số doanh nghiệp khó tiếp cận và 32,38% số doanh nghiệp không tiếp cận được. Trong khi đó việc tiếp cận nguồn vốn khác cũng gặp khó khăn chỉ có 48,65% số doanh nghiệp khả năng tiếp cận, 30,43% số doanh nghiệp khó tiếp cận và 20,92% số doanh nghiệp không tiếp cận được.

Trong cạnh tranh nội địa việc tham gia các chương trình xúc tiến thương mại của Nhà nước cũng rất khó khăn. Chỉ có 5,2% số doanh nghiệp rất sẵn lòng tham gia; 23,12% số doanh nghiệp khó sẵn lòng tham gia và 71,67% số doanh nghiệp không sẵn lòng tham gia.

Tổng thể trên, nội dung cần phải nhanh chóng thành lập các quy định pháp luật để cho doanh nghiệp nội địa và nước ngoài, đồng thời, Chính phủ cần sớm có Chương trình xúc tiến xuất khẩu dành riêng cho các doanh nghiệp nội địa và nước ngoài.

Qua cuộc điều tra này, doanh nghiệp cũng bày tỏ nhu cầu về nguồn tài chính, kế toán; 31,62% số doanh nghiệp có nhu cầu nguồn tài chính và quản lý

doanh nghiệp; 24,14% có nhu cầu nguồn tài chính và phát triển thị trường; 20,17% số doanh nghiệp có nhu cầu nguồn tài chính và lập kế hoạch, chiến lược kinh doanh; 12,89% có nhu cầu nguồn tài chính và phát triển sản phẩm mới; 12,89% có nhu cầu nguồn tài chính và kỹ năng nhân lực và kỹ thuật hợp đồng kinh tế; 11,62% có nhu cầu nguồn tài chính và quản lý nhân lực; 10,85% số doanh nghiệp có nhu cầu nguồn tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp. Hiện nay các doanh nghiệp rất cần thấy nhu cầu rất lớn về nguồn tài chính không chỉ ở cấp độ.

3. Những phòng hộ công cộng của phát triển doanh nghiệp nội địa và nước ngoài

Một lợi thế hoàn thiện và nâng cao tính ổn định khung pháp lý các chính sách tài chính và chính sách tài chính nhằm tạo môi trường thuận lợi cho kinh doanh bình đẳng, minh bạch, thông thoáng cho doanh nghiệp nội địa và nước ngoài phát triển.

Hai lợi thế khác là tạo ra môi trường kinh doanh nội địa và nước ngoài, hình thành và phát triển các doanh nghiệp nội địa và nước ngoài, qua đó hình thành và phát triển các yếu tố cấu thành cho phát triển kinh doanh.

Ba lợi thế khác là hình thành và phát triển môi trường khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới, tạo ra môi trường khuyến khích doanh nghiệp đổi mới và phát triển, qua đó tạo ra môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, và công tác thu thuế.

Bốn lợi thế khác là tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất, tăng cường bảo vệ môi trường thông qua việc lập và công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tạo ra môi trường phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô hợp lý và giải quyết mặt bằng phù hợp với khả năng của doanh nghiệp nội địa và nước ngoài; hỗ trợ di dời các doanh nghiệp nội địa và nước ngoài gây ô nhiễm, tái thiết nên môi trường tại các khu dân cư và môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Năm lợi thế khác là bổ sung các quy định pháp luật nhanh chóng xây dựng quy định pháp luật để cho

doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các nhà phòng; khuyến khích phát triển các loại hình ngân hàng, ngân hàng thông mại có phần chuyển phủ với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó bao gồm cả việc phát triển nghiệp vụ cho thuê tài chính và áp dụng biện pháp cho vay không có bảo đảm bằng tài sản thế chấp nối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa có đời ẩn khai thị, có hiệu quả nhất đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

Sau lại này nhanh việc thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật; khuyến khích việc hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa các doanh nghiệp có quy mô khác nhau; phát triển có hiệu quả các chương trình nghiên cứu và phát triển ứng dụng vào thực tiễn; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung và ban hành hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng phù hợp với quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng và phát triển công nghiệp phụ trợ.

Bây lại này nhanh việc xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp để có cơ sở dữ liệu nhanh giải quyết tình trạng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, phục vụ công tác hoạch định chính sách và cung cấp các thông tin phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kinh nghiệm, ý chí kinh doanh và làm giàu hợp pháp tới mọi nơi ở đồng. Nghiên cứu thí nghiệm việc đưa các kiến thức về kinh doanh vào chương trình học ở trường phổ thông, đại học, cao đẳng, trung học kỹ thuật và các trường dạy nghề nhằm thực hiện tinh thần kinh doanh, phát triển và hoạt động doanh nghiệp, tạo sự ứng dụng trong toàn xã hội nối với doanh nghiệp kinh doanh theo pháp luật.

Tại lại phát triển thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh (cả về phía cung và phía cầu), hoàn thiện môi trường pháp lý và hoạt động cung cấp dịch vụ phát triển kinh doanh, chủ yếu quản lý và chất lượng các dịch vụ. Khuyến khích các tổ chức Hiệp hội thực hiện các dịch vụ phát triển kinh doanh; tích cực triển khai các chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tham gia xây dựng thể chế chính sách và các chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tăng cường vai trò hỗ trợ của Hiệp hội và thực sự là nơi diễn ra lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chín lại nâng cao hiệu quả việc thực hiện các hoạt động trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, tăng cường vai trò của Hội đồng Khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường năng lực cho các nhà phòng và quản lý xúc tiến, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tóm lại, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là một nhiệm vụ kinh tế và là một nhiệm vụ chính trị quan trọng hiện nay ở nước ta. Trong cơ chế thị trường doanh nghiệp nhỏ và vừa là chủ thể kinh tế nhiều thành phần, với nhiều qui mô doanh nghiệp khác nhau. Những doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn nhiều mặt hạn chế trong các mặt hạn chế nội thì hạn chế nhất là về năng lực tài chính, hệ thống chính sách tín dụng hiện hành chưa thể giải quyết những vướng mắc trong việc tiếp cận nguồn vốn chính thức, và chưa đáp ứng được nhu cầu vốn cho loại hình doanh nghiệp này. Vì vậy, việc đưa ra phòng hộ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở nước ta là cấp thiết, nhằm thực hiện loại hình doanh nghiệp này phát triển.

